

Số: 09/2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 84/BC-HĐND và Báo cáo thẩm tra số 90/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:**

### 1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

### b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Phần đầu có 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
- Phần đầu có trên 47,9% tổng số xã (46/96 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: 32,6% (15/46 xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 13% (6/46 xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Bình quân tiêu chí nông thôn mới đạt trên 15 tiêu chí/xã.
- Phần đầu cả tỉnh có trên 60% số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn không nằm trong lộ trình phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đạt chuẩn nông thôn mới.

### 2. Nhiệm vụ

#### a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện xây dựng nông thôn mới; tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; lấy kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới làm nội dung để đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo "*Xây dựng nông thôn mới là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc*"; xây dựng nông thôn mới phải gắn với nâng cao thu nhập, tạo việc làm cho người dân nông thôn.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; củng cố hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ, hiệu quả.

b) Công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới:

- Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân để khơi dậy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh... phần đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động; phong trào thi đua "Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

- Nhân rộng các mô hình, cách làm sáng tạo, thiết thực, hiệu quả của các địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Quan tâm, tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp, nhất là ở cấp xã, thôn để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách sáng tạo, đột phá phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh.

c) Thực hiện có hiệu quả, rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện chương trình:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành về xây dựng nông thôn mới.

- Trên cơ sở các chính sách của Trung ương, kịp thời cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế, thuận lợi trong quá trình thực hiện. Rà soát, nghiên cứu và đề xuất ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ trong việc thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, thu gom xử lý rác thải, khuyến khích các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 để tập trung nguồn lực thực hiện, phát huy và khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, điều kiện tự nhiên để phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

d) Triển khai các nội dung trọng tâm của Chương trình:

- Triển khai thực hiện hiệu quả 11 nội dung thành phần của Chương trình.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình, Đề án chuyên đề trọng tâm theo chỉ đạo của trung ương, của tỉnh để phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong xây dựng nông thôn mới.

đ) Huy động nguồn lực để thực hiện chương trình:

- Huy động, đa dạng hóa các nguồn vốn: Ngân sách trung ương, địa phương, hợp tác xã, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác.... Đẩy mạnh công tác vận động đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình theo hình thức tự nguyện, không huy động quá

sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của chương trình. Ưu tiên tập trung các nguồn lực để thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới (*huyện đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới*).

- Phân bổ kịp thời, đúng quy định và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thực hiện chương trình. Lồng ghép sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021-2025.

e) Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình. Đặc biệt coi trọng vai trò của cấp cơ sở, đảm bảo sự tham gia của người dân trong việc giám sát, đánh giá.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm trong tổ chức triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới; khen thưởng kịp thời các địa phương, tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích; phê bình các địa phương thực hiện kém hiệu quả.

**Điều 2. Thông qua nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:**

1. Nguyên tắc phân bổ

- Nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương phân bổ cho các cơ quan, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cơ quan và các cấp chính quyền địa phương.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới; các xã đạt dưới 15 tiêu chí. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Các địa phương chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

- Bố trí vốn ngân sách trung ương để thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cho các cơ quan để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của

chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai chương trình.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, chính sách, đề án giai đoạn 2021-2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng đầu tư với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm của tỉnh được thực hiện cùng thời điểm lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021 (*chuyển sang thực hiện trong năm 2022*). Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các địa phương thực hiện Chương trình (*căn cứ số xã tính đến hết năm 2021*) như sau:

+ Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0.

+ Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.

+ Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (*bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững*): Hệ số 1,0.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025:

- Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã: Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã thực hiện Chương trình (*căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn*) như sau:

+ Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0.

+ Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.

+ Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

- Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng huyện: Hỗ trợ 02 huyện Bạch Thông và Chợ Đồn để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới và phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021- 2025: Hệ số 20,0.

c) Tiêu chí phân bổ cho các chương trình chuyên đề, Chương trình vốn vay ADB: Thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương.

3. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Hằng năm, ngân sách địa phương cấp tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện phân bổ theo tiêu chí, hệ số phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương của từng xã, huyện; ưu tiên bổ sung vốn đối ứng thực hiện các nội dung theo quy định về tỷ lệ, định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh thông qua.

**Điều 3. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn đầu tư) như sau:**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn đầu tư).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Việc hỗ trợ vốn xây dựng công trình thực hiện theo kế hoạch hằng năm được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đối với từng danh mục cụ thể của từng xã.

- Mức hỗ trợ của các công trình hạ tầng nông thôn được căn cứ vào tổng mức đầu tư hoặc dự toán của từng công trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng hình thức thích hợp để người dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã thống nhất mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua.

4. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn đầu tư)

a) Nội dung, mức hỗ trợ:

- Đối với các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Quy định chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết.

- Đối với các xã thực hiện nông thôn mới: Quy định chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết.

b) Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2018 quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020; Số 11/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020; Số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc quy định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2022. /.

**Nơi nhận:** *TL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT. *Th*

**CHỦ TỊCH**

*Phuong Thi Thanh*

**Phương Thị Thanh**

## Phụ lục số 01

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC HUYỆN THỰC HIỆN NÔNG THÔN MỚI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó:		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
1	Hệ thống đường huyện	73,5	70	3,5	26,5
2	Bến xe khách (nếu có theo quy hoạch)	73,5	70	3,5	26,5
3	Trung tâm y tế	73,5	70	3,5	26,5
4	Trường Trung học phổ thông	73,5	70	3,5	26,5
5	Trung tâm văn hóa thể thao	73,5	70	3,5	26,5
6	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp thường xuyên	73,5	70	3,5	26,5
7	Chợ trung tâm	73,5	70	3,5	26,5
8	Công trình thu gom xử lý chất thải; công trình nước sạch tập trung	73,5	70	3,5	26,5

## Phụ lục số 02

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC XÃ THỰC HIỆN NÔNG THÔN MỚI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
1	Đường giao thông xã, thôn, liên thôn	73,5	70	3,5	26,5
2	Đường giao thông ngõ, xóm	73,5	70	3,5	26,5
3	Đường giao thông nội đồng	73,5	70	3,5	26,5
4	Hệ thống thủy lợi nội đồng	73,5	70	3,5	26,5
5	Trường học	95	70	25	5
6	Trạm y tế	95	70	25	5
7	Nhà Văn hoá xã	90	70	20	10
8	Trung tâm thể thao xã	73,5	70	3,5	26,5
9	Nhà Văn hoá thôn	73,5	70	3,5	26,5
10	Khu thể thao thôn	73,5	70	3,5	26,5
11	Công trình thu gom xử lý chất thải; Các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	73,5	70	3,5	26,5
12	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn.	95	70	25	5
13	Hệ thống lưới điện nông thôn	95	70	25	5
14	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định	95	70	25	5